

Bản án số: 04/2021/HSST

Ngày: 18/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Văn Tôn

- Bà Vũ Thị Luyến

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Anh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam - Kiểm sát viên

Ngày 18/01/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 182/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXX ngày 04/01/2021, đối với bị cáo:

Trương Văn D ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 30/7/1987

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm Bìa, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Sán Dìu; tôn giáo: Không. Văn hóa: 02/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Trương Văn Ngọc (đã chết); con bà: Ôn Thị Lương, sinh năm 1953. Bị cáo có 09 anh chị em, Dũng là con thứ 6; có vợ là Ôn Thị Tư, sinh năm 1989, vợ chồng có 02 con chung, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012.

- Tiền án: Không (theo danh bản, chỉ bản số 402 do Công an thị xã Phổ Yên lập ngày 07/9/2020).

- Tiền sự: 02.

1. Ngày 20/6/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng, tại Quyết định số 16/QĐTA.

2. Ngày 05/5/2020 Trương Văn Dũng bị Công an xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt hành chính về hành vi ‘Trộm cắp tài

sản”, hình thức phạt tiền: 1.500.000 đồng, tại Quyết định số 24/QĐ - XPVPHC ngày 05/5/2020.

Biện pháp ngăn chặn: Trương Văn Dũng bị bắt tạm giam từ ngày 11/10/2020, hiện đang tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Thái Nguyên - Có mặt tại phiên tòa.

***Người bào chữa cho bị cáo D :** Ông Vũ Văn C - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên - Có mặt.

*** Bị hại:**

Chị Ôn Thị Đ , sinh năm 1989 - (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

ĐKHKT: Xóm Na Lang 1, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

*** Người làm chứng:**

Anh Ôn Văn C , sinh năm 1983 - Vắng mặt

ĐKHKT: Xóm Na Lang 1, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 11/8/2020, chị Ôn Thị Đ (sinh năm 1989) trú tại xóm Na Lang 1, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đi làm về nhà để chiếc xe mô tô biển kiểm soát 20H1-268.99 ở phòng khách, bên trong cốp xe chị Đ để 01 túi xách bằng vải màu đen, trong có số tiền 24.000.000 đồng (tiền hàng) gói trong chiếc tất màu trắng, sau đó chị Điệp đi vào nhà trong. Thời điểm đó Trương Văn D đi bộ qua nhà chị Đ , thấy cửa nhà mở, không có ai nên D đi vào nhà chị Đ mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Phát hiện thấy ở phòng khách có 01 chiếc xe mô tô, D thấy chiếc quai túi xách màu đen ở trong cốp xe thò ra ngoài nên D dùng tay kéo chiếc yên xe lên và rút được chiếc túi xách ra ngoài. Khi Dũng vừa kéo được túi xách ra thì chị Điệp phát hiện và hô hoán, D bỏ chạy và mang chiếc túi xách ra khu vực đồi cây gần cổng làng Na Lang 1 mở túi xách kiểm tra bên trong có 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu) được bọc trong 01 chiếc tất màu trắng. D vứt chiếc túi vải tại đồi cây, lấy 2.000.000 đồng cho vào túi áo, 22.000.000 đồng Dũng mang về nhà cất trong tủ quần áo. Sau khi lấy được tài sản D mua ma túy và chi tiêu hết 600.000 đồng. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Dũng đi đến cổng xóm Bìa, xã Thành công thì gặp anh Ôn Văn C (sinh năm 1983, trú tại Na Lang 1, Thành Công, Phổ Yên - là anh ruột của chị Điệp), anh C hỏi Dũng về việc trộm cắp tài sản, D thừa nhận việc trộm cắp tài sản của chị Đ và giao nộp lại số tiền 23.400.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: Số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 23.400.000 đồng; 01 chiếc túi vải màu đen cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị Đ quản lý sử dụng. 01 chiếc tất màu trắng, sau khi trộm cắp tài sản Dũng đã vứt đi, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã truy tìm nhưng chưa thu giữ được. Do chiếc túi vải màu đen và chiếc tất màu trắng đã cũ không còn giá trị và chị Đ không đề nghị giải quyết nên Cơ quan điều tra không định giá là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 600.000 đồng D đã chi tiêu cá nhân hết, chị Diệp không đề nghị D phải bồi thường gì thêm.

Với nội dung nêu trên Tại bản cáo trạng số 05/CT - VKSPY ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố Trương Văn Dũng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Giữ nguyên quyết định đối với bị cáo về tội danh như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhưng có nhân thân xấu bị xử lý hành chính về hành vi trộm cắp tài sản trước đó, ngoài ra bị Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên bắt buộc cai nghiện tại cộng đồng, bị cáo mới chấp hành xong việc cai nghiện. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại.

Tình tiết tăng nặng TNHS: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào tại Điều 52 BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ được hưởng: Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Từ những căn cứ nêu trên: Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trương Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Trương Văn D từ 15 - 18 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng do bị cáo là dân tộc thiểu số sống tại vùng đặc biệt khó khăn của xã Thành Công.

Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị miễn án phí HSST cho bị cáo, bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX cân nhắc mức án để ra quyết định đúng pháp luật.

Ý kiến tranh luận của của bị cáo: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX cho hưởng lượng khoan hồng với mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Phản tranh luận và đối đáp:

****Ý kiến tranh luận cũng như bào chữa của trợ giúp viên đối với bị cáo Trương Văn D :***

Đánh giá tính chất vụ án: Đồng ý quan điểm của đại diện VKS truy tố bị cáo là đúng tội, vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, qua phân tích đề HĐXX cân nhắc mức án khi lượng hình thấy: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế, bản thân là trụ cột của gia đình. Tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải nên đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại

điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo bởi bị cáo gây thiệt hại số tiền đã chi tiêu 600.000đ là không lớn. Đề nghị HĐXX lượng hình có tính răn đe nhưng thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Về hình phạt đề nghị HĐXX quyết định cho phù hợp. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị xem xét miễn hình phạt tiền; bị cáo là dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn của xã Thành Công lại là hộ nghèo, theo quy định của Chính phủ nên đề nghị HĐXX miễn án phí.

Bị cáo Dũng nhất trí lời bào chữa của TGV, không có ý kiến bổ sung.

VKS đối đáp quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên đối với bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trợ giúp viên đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo VKS không chấp nhận, bởi bị cáo chiếm đoạt tài sản trị giá 24.000.00đ của bị hại chứ không phải là số tiền đã chi tiêu 600.000đ trong số tiền chiếm đoạt.

Kết thúc phần tranh tụng bị cáo, người bào chữa cho bị cáo D và đại diện VKS thị xã Phổ Yên không đưa ra quan điểm đối đáp, tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin HĐXX cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

- Người bị hại chị Ôn Thị Đ có đơn xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa, kiểm sát viên, bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 BLTTHS, xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật;

- Bị cáo Trương Văn D là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của xã Thành Công nên được Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử Trợ giúp viên là người bào chữa cho bị cáo, bị cáo nhất trí người bào chữa theo quy định tại khoản 4 Điều 7 của Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 và Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 8-8-2016 của Chính phủ quy định chính sách TGPL đồng bào DTTS tại vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn.

[2] Về hành vi bị truy tố và xét xử đối với bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn D giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; kết luận giám định loại tiền, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, HĐXX có đủ cơ sở xác

định: Vào hồi 12 giờ ngày 11/8/2020, tại gia đình chị Ôn Thị Đ , xóm Na Lang 1, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, Trương Văn D lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 túi xách trong cốp, dưới yên xe máy của chị Đ số tiền 24.000.000đ (mười bốn triệu đồng) một cách chót lọt. sử dụng chi tiêu cá nhân hết 600.000đ.

Hành vi, ý thức của bị cáo Trương Văn D đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành của tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, bản cáo trạng số 05/CT - VKSPY ngày 18/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên truy tố bị cáo Trương Văn Dũng về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Cụ thể Điều luật có nội dung như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[3] Về ý thức thực hiện hành vi phạm tội: Bị cáo là người đủ năng lực, trách nhiệm hình sự, nhận biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi, lợi dụng sự thiếu cảnh giác trong quản lý tài sản của bị hại để thực hiện tội phạm. Lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, thực tế bị cáo đã thực hiện việc chiếm đoạt tài sản trót lọt.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng:

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ, đồng thời còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản.

Về nhân thân: Mặc dù được coi chưa có tiền án nhưng có 02 tiền sự chưa được xóa vì phạm: Ngày 20/6/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Quyết định số 16/QĐTA). Thời hạn cai nghiện là 18 tháng; Ngày 05/5/2020 bị Công an xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, hình thức phạt tiền: 1.500.000 đồng, tại Quyết định số 24/QĐ - XPVPHC

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Bị cáo Trương Văn D được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị hại (chị Đ) có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xét cho hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS tại Điều 52 BLHS.

[5] HĐXX nhận định về hình phạt cần áp dụng: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người trưởng thành, nhận thức đầy đủ hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người bị hại để lén lút trộm cắp tài sản nhằm mục đích phục vụ chi tiêu cá nhân. Do nghiện ma túy và đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân bằng Quyết định cai nghiện bắt buộc, sau khi chấp hành xong việc cai nghiện tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, bị Công an xã Ngọc Thanh xử lý hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, điều đó cho thấy bị cáo coi thường pháp luật. Do vậy, cần phải nghiêm trị bằng một bản án nghiêm khắc để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng nghiện, không có thu nhập ổn định, là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế khó khăn của xã Thành Công. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên cũng như lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo tại phiên tòa có căn cứ, đúng luật, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận. Tuy nhiên, về tình tiết giảm nhẹ tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS trợ giúp viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo HĐXX không chấp nhận cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ này, bởi căn cứ vào định lượng của tổng giá trị tài sản chiếm đoạt (24.000.000đ) chứ không phải số tiền bị cáo đã chi tiêu trong tổng số tiền chiếm đoạt của bị hại.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu tài sản chị Diệp đã nhận lại số tiền 23.400.000đ, số tiền bị cáo Dũng đã chi tiêu 600.000đ, chị Diệp không yêu cầu bị cáo hoàn trả. Do đó, HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo thuộc đối tượng được miễn, giảm án phí (hộ nghèo, cận nghèo...; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH không chịu án phí HSST và được miễn quy định.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Văn D đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

* *Hình phạt chính:* Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Trương Văn D** **15** (Mười lăm) tháng tù

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 11/10/2020.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Trương Văn Dũng 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

**Về hình phạt bổ sung:* Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo D

3. Về trách nhiệm dân sự: Chủ tài sản đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường tiếp, HĐXX không xem xét.

4. Án phí: : Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí HSST cho bị cáo Trương Văn Dũng.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 332, 333 BLTTHS

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo tại phiên tòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại, người bị hại (chị Đ) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an thị xã Phố Yên;
- VKSND thị xã Phố Yên;
- Thị hành án thị xã Phố Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

